

Số: /2017/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO LẦN 2

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số điều của Luật du lịch

Căn cứ Luật du lịch số 09/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật du lịch.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật du lịch về người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành; nội dung đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa và nghiệp vụ điều hành du lịch quốc tế; trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành; tiêu chuẩn cấp biên hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác; nội dung đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; nội dung kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm; tiêu chuẩn thành thạo ngoại ngữ; khóa cập nhật kiến thức, giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch quốc tế, hướng dẫn viên du lịch nội địa; giao dịch điện tử trong lĩnh vực du lịch và các biểu mẫu, mẫu đơn đề nghị trong lĩnh vực du lịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động du lịch trên lãnh thổ Việt Nam;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến du lịch.

Chương II

KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH

Điều 3. Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành

1. Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là giám đốc hoặc phó giám đốc doanh nghiệp chuyên kinh doanh dịch vụ lữ hành; giám đốc, phó giám đốc, hoặc trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề.

2. Chuyên ngành về lữ hành quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch bao gồm:

- a) Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;
- b) Quản trị lữ hành;
- c) Điều hành tour du lịch;
- d) Marketing du lịch;
- đ) Du lịch;
- e) Du lịch lữ hành;
- g) Quản lý và kinh doanh du lịch.

Điều 4. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ điều hành du lịch

1. Chương trình khung đào tạo nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa bao gồm:

a) Kiến thức cơ sở ngành (40 tiết), bao gồm: Hệ thống chính trị Việt Nam và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch (10 tiết); tổng quan du lịch (10 tiết); Marketing Du lịch (10 tiết); tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp (10 tiết);

b) Kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ điều hành du lịch (110 tiết), bao gồm: Tổng quan về Doanh nghiệp lữ hành (5 tiết); thiết kế sản phẩm và tính giá chương trình du lịch (30 tiết); Tuyển điểm du lịch Việt Nam (10 tiết); nghiệp vụ điều hành du lịch (30 tiết); bán hàng và chăm sóc khách hàng trong doanh nghiệp lữ hành (10 tiết); tổ chức hoạt động marketing và bán chương trình du lịch trong doanh nghiệp lữ hành (10 tiết); tiền tệ và thanh toán quốc tế trong du lịch (10 tiết); các thủ tục cho vận chuyển hàng không nội địa (5 tiết);

- c) Thực hành nghiệp vụ điều hành du lịch (30 tiết);
- d) Thực tế nghề nghiệp cuối khóa (20 tiết).

2. Chương trình khung đào tạo nghiệp vụ điều hành du lịch quốc tế bao gồm:

a) Kiến thức cơ sở ngành (60 tiết), bao gồm: Hệ thống chính trị Việt Nam và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch (10 tiết); tổng quan du lịch (15

tiết); Marketing Du lịch (15 tiết); tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp (10 tiết); giao lưu văn hóa quốc tế (10 tiết);

b) Kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ điều hành du lịch (155 tiết), bao gồm: Tổng quan về Doanh nghiệp lữ hành (5 tiết); thị trường du lịch và sản phẩm du lịch (10 tiết); thiết kế sản phẩm và tính giá chương trình du lịch (30 tiết); tuyến điểm du lịch Việt Nam (10 tiết); nghiệp vụ điều hành du lịch (45 tiết); bán hàng và chăm sóc khách hàng trong doanh nghiệp lữ hành (15 tiết); marketing và truyền thông trong doanh nghiệp lữ hành (15 tiết); tiền tệ và thanh toán quốc tế trong du lịch (15 tiết); nghiệp vụ xuất nhập cảnh (5 tiết); các thủ tục cho vận chuyển hàng không quốc tế (5 tiết);

c) Thực hành nghiệp vụ điều hành du lịch (30 tiết);

d) Thực tế nghề nghiệp cuối khóa (20 tiết).

Điều 5. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch

1. Tổng cục Du lịch lựa chọn các cơ sở đào tạo đủ năng lực để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và cấp chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa và nghiệp vụ điều hành du lịch quốc tế.

2. Tiêu chí lựa chọn cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nghiệp vụ điều hành du lịch bao gồm:

a) Là cơ sở đào tạo bậc cao đẳng trở lên có chức năng đào tạo chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

b) Có đội ngũ giảng viên thường xuyên có chuyên môn phù hợp với các học phần/môn học;

c) Có phương án tuyển sinh và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nghiệp vụ điều hành du lịch theo hình thức đào tạo tập trung; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng; có máy tính kết nối internet và kết nối với phần mềm quản lý thông tin học viên của Tổng cục Du lịch;

d) Có chương trình đào tạo chi tiết phù hợp với chương trình khung quy định tại Điều 4 Thông tư này

đ) Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày cơ sở đào tạo nộp hồ sơ đăng ký đào tạo ngắn hạn nghiệp vụ điều hành du lịch.

3. Cơ sở đào tạo có nhu cầu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nghiệp vụ điều hành du lịch gửi công văn đề nghị về Tổng cục Du lịch kèm theo bản thuyết minh về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị, Tổng cục Du lịch xem xét, trả lời bằng văn bản.

4. Chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa và chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch quốc tế theo Mẫu số 04 Phụ lục II Thông tư này.

Chúng chỉ nghề quốc gia về điều hành du lịch do cơ quan có thẩm quyền cấp có giá trị tương đương với chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành

1. Thủ tục thu hồi giấy phép trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Luật du lịch được quy định cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp gửi thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành theo Mẫu số 05 Phụ lục II Thông tư này, kèm theo giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành đã được cấp; bản cam kết đã hoàn thành nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch đến cơ quan cấp phép;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành; gửi quyết định thu hồi giấy phép cho doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp phép và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành.

2. Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 36 Luật Du lịch được quy định như sau:

a) Căn cứ vào kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng; cơ quan cấp phép ban hành quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành; quyết định thu hồi giấy phép sẽ được gửi đến doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp phép và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành;

b) Sau khi nhận quyết định thu hồi Giấy phép, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại Giấy phép đã được cấp, thực hiện các biện pháp để bảo đảm quyền lợi cho khách du lịch và cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch theo hợp đồng đã ký; nộp bản cam kết đã hoàn thành nghĩa vụ đối với khách du lịch, đối tác đến cơ quan cấp phép.

3. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày đăng thông tin về việc thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành trên cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp phép và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch và cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch, cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ; trường hợp có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch, cơ quan cấp phép phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Lưu trữ hồ sơ tổ chức chương trình du lịch

Ngoài trách nhiệm báo cáo, lưu trữ tài liệu theo quy định của pháp luật liên quan, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ đoàn khách trong thời hạn 03 năm, bao gồm:

1. Chương trình du lịch.
2. Danh sách khách du lịch (tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu hoặc số chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân...).
3. Các tài liệu liên quan đến thủ tục xuất nhập cảnh, bảo hiểm cho đoàn khách du lịch.
4. Báo cáo thực hiện chương trình của hướng dẫn viên hoặc nhân viên điều hành chương trình du lịch.
5. Phiếu nhận xét chất lượng dịch vụ của khách du lịch (nếu có).

Chương III KINH DOANH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁC

Điều 8. Cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

1. Có đăng ký kinh doanh và thực hiện các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Thông tin rõ ràng về nguồn gốc và chất lượng hàng hóa.
3. Niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết.
4. Có nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng.
5. Có nơi gửi phương tiện giao thông của khách.
6. Có phòng vệ sinh đạt chuẩn.
7. Nhân viên có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự.

Điều 9. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

1. Có đăng ký kinh doanh và thực hiện các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Có ít nhất 50 chỗ ngồi.
3. Có thực đơn bằng tiếng Việt, tiếng Anh kèm theo hình ảnh minh họa, có đơn giá và bán đúng giá ghi trong thực đơn.
4. Bếp thông thoáng, có khu vực sơ chế và chế biến món ăn riêng biệt; có trang thiết bị chất lượng tốt để bảo quản và chế biến thực phẩm.

5. Nhân viên có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; mặc đồng phục phù hợp với từng vị trí công việc, đeo phù hiệu trên áo.

6. Có phòng vệ sinh đạt chuẩn cho khách.

7. Có nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng.

Điều 10. Cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

1. Có đăng ký kinh doanh và thực hiện các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Có nơi đón tiếp, nơi gửi đồ dùng cá nhân.

3. Có phòng tắm, phòng vệ sinh đạt chuẩn cho khách.

4. Có cơ sở vật chất, có trang thiết bị; cung cấp và cho thuê dụng cụ tập luyện, thi đấu phù hợp với từng môn thể thao.

5. Có người hướng dẫn, nhân viên phục vụ, nhân viên cứu hộ phù hợp với từng môn thể thao; có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; mặc đồng phục phù hợp với từng vị trí công việc, đeo phù hiệu trên áo.

6. Niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết và nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng.

Điều 11. Cơ sở kinh doanh dịch vụ giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

1. Có đăng ký kinh doanh và thực hiện các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Có nơi đón tiếp, gửi đồ dùng cá nhân, phòng vệ sinh đạt chuẩn cho khách.

3. Có địa điểm, cơ sở vật chất, dụng cụ, phương tiện phù hợp với từng loại dịch vụ vui chơi giải trí.

4. Có người hướng dẫn, nhân viên phục vụ phù hợp với từng vị trí công việc, từng dịch vụ vui chơi giải trí; có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; mặc đồng phục phù hợp với từng vị trí công việc, đeo phù hiệu trên áo.

5. Niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết và nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng.

Điều 12. Cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

1. Có đăng ký kinh doanh và thực hiện các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Có nơi đón tiếp, gửi đồ dùng cá nhân, phòng vệ sinh đạt chuẩn cho khách.

3. Có nội quy, quy trình bằng tiếng Việt và tiếng Anh; có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với từng loại dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

4. Có nhân viên y tế, kỹ thuật viên chăm sóc sức khỏe, nhân viên phục vụ phù hợp với từng vị trí công việc, từng dịch vụ chăm sóc sức khỏe; có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; mặc đồng phục phù hợp với từng vị trí công việc, đeo phù hiệu trên áo.

5. Niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết và nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng.

Chương IV **HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH**

Điều 13. Tiêu chuẩn thành thạo ngoại ngữ của hướng dẫn viên du lịch quốc tế

1. Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ.

2. Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài.

3. Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài.

4. Có chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp đạt mức yêu cầu theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục V Thông tư này.

5. Có chứng chỉ sử dụng thành thạo ngoại ngữ do cơ sở đào tạo được lựa chọn theo quy định tại Điều 14 Thông tư này cấp.

Điều 14. Tổ chức kiểm tra, cấp chứng chỉ sử dụng thành thạo ngoại ngữ

1. Tổng cục Du lịch xây dựng kế hoạch lựa chọn và công bố cơ sở đào tạo có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và cấp chứng chỉ sử dụng thành thạo ngoại ngữ cho người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

2. Tiêu chí lựa chọn cơ sở đào tạo tổ chức kiểm tra ngoại ngữ:

a) Là cơ sở đào tạo ngoại ngữ bậc đại học;

b) Có ngân hàng đề thi đáp ứng quy định về trình độ ngoại ngữ đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế;

c) Có phương án tổ chức kỳ kiểm tra trình độ ngoại ngữ, trong đó có thuyết minh về cơ sở vật chất kỹ thuật và hội đồng giám khảo kiểm tra trình độ ngoại ngữ;

d) Không vi phạm các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày cơ sở đào tạo nộp hồ sơ đăng ký tổ chức kiểm tra trình độ ngoại ngữ.

3. Cơ sở đào tạo có nhu cầu tổ chức kiểm tra và cấp chứng chỉ sử dụng thành thạo ngoại ngữ gửi công văn đề nghị về Tổng cục Du lịch kèm theo bản thuyết minh về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị, Tổng cục Du lịch xem xét, trả lời bằng văn bản.

4. Chứng chỉ sử dụng thành thạo ngoại ngữ của người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế:

a) Thí sinh đạt kết quả trong kỳ kiểm tra được cấp Chứng chỉ sử dụng thành thạo ngoại ngữ theo Mẫu số 07 Phụ lục V Thông tư này;

b) Chứng chỉ sử dụng thành thạo ngoại ngữ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.

Điều 15. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

1. Nội dung đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa:

a) Kiến thức cơ sở (60 tiết), bao gồm: Địa lý Việt Nam (10 tiết); lịch sử Việt Nam (20 tiết); văn hóa Việt Nam (20 tiết); hệ thống chính trị Việt Nam và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch (10 tiết);

b) Kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ (100 tiết), bao gồm: Tổng quan du lịch (20 tiết); Tuyến, điểm du lịch Việt Nam (10 tiết); Tâm lý du khách (10 tiết); nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong hướng dẫn du lịch (10 tiết); kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn (30 tiết); y tế du lịch (10 tiết); kỹ năng hoạt náo trong hướng dẫn du lịch (10 tiết);

c) Thực hành kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn (30 tiết);

d) Thực tế nghề nghiệp cuối khóa (20 tiết).

2. Nội dung đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế:

a) Kiến thức cơ sở (70 tiết), bao gồm: Địa lý Việt Nam (10 tiết); lịch sử Việt Nam (20 tiết); văn hóa Việt Nam (20 tiết); lịch sử văn minh thế giới (10 tiết); hệ thống chính trị Việt Nam và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch (10 tiết);

b) Kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ (140 tiết), bao gồm: Tổng quan du lịch (20 tiết); tuyến, điểm du lịch Việt Nam (10 tiết); tâm lý du khách (10 tiết); giao lưu văn hóa quốc tế (20 tiết); nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong hướng dẫn du lịch quốc tế (10 tiết); kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn (30 tiết); y tế du lịch (10 tiết); kỹ năng hoạt náo trong hướng dẫn du lịch quốc tế (10 tiết); xuất nhập cảnh và lưu trú (5 tiết); lễ tân ngoại giao (15 tiết);

c) Thực hành kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn (30 tiết);

d) Thực tế nghề nghiệp cuối khóa (30 tiết).

Điều 16. Chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

1. Chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa và chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế được cấp cho những đối tượng sau:

a) Người đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và đạt kỳ kiểm tra do cơ sở đào tạo quy định tại Điều 17 Thông tư này tổ chức;

b) Người có kết quả đạt trong kỳ kiểm tra cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch do cơ sở đào tạo quy định tại Điều 17 Thông tư này tổ chức.

2. Mẫu chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa và chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế theo Mẫu số 08 Phụ lục V Thông tư này.

Điều 17. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

1. Tổng cục Du lịch lựa chọn các cơ sở đào tạo đủ năng lực để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.

2. Tiêu chí lựa chọn cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, kiểm tra và cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch bao gồm:

a) Là cơ sở đào tạo bậc cao đẳng trở lên có chức năng đào tạo ngành hướng dẫn du lịch;

b) Có đội ngũ giảng viên có chuyên môn phù hợp với các học phần/môn học;

c) Có phương án tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngắn hạn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, trong đó nêu rõ về cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo ngắn hạn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch;

d) Không vi phạm các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày cơ sở đào tạo nộp hồ sơ đăng ký đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.

3. Cơ sở đào tạo có nhu cầu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, kiểm tra và cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch gửi công văn đề nghị về Tổng cục Du lịch kèm theo bản thuyết minh về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị, Tổng cục Du lịch xem xét, trả lời bằng văn bản.

4. Chứng chỉ nghề quốc gia về hướng dẫn du lịch do cơ quan có thẩm quyền cấp có giá trị tương đương với chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quy định tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Du lịch.

Điều 18. Nội dung kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm

1. Lý thuyết về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm

- a) Tâm lý du khách: đặc điểm tâm lý khách du lịch theo thị trường, giới tính, lứa tuổi;
- b) Kỹ năng giao tiếp bằng lời nói, bằng ngôn ngữ cơ thể;
- c) Kỹ năng giải quyết tình huống;
- d) Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm: quy trình hướng dẫn du lịch tại điểm, các kỹ năng hướng dẫn du lịch chuyên biệt.

2. Kiến thức về điểm

- a) Khái quát chung về địa phương;
- b) Khái quát chung về lịch sử phát triển của điểm;
- c) Các đặc điểm cơ bản của điểm;
- d) So sánh giá trị của điểm du lịch của địa phương với một vài điểm tương đồng.

3. Thực hành bài giới thiệu về điểm.

Điều 19. Cập nhật kiến thức định kỳ cho hướng dẫn viên

- 1. Nội dung chương trình cập nhật kiến thức định kỳ cho hướng dẫn viên:
 - a) Tình hình du lịch thế giới, xu hướng và triển vọng;
 - b) Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước;
 - c) Hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch;
 - d) Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch;
 - đ) Tình hình phát triển du lịch Việt Nam, thông tin về sản phẩm du lịch mới, sản phẩm du lịch chủ đạo;
 - e) Các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch.

2. Thời lượng khóa cập nhật kiến thức định kỳ cho hướng dẫn viên: 03 ngày.

3. Cơ quan, đơn vị tổ chức cập nhật kiến thức định kỳ cho hướng dẫn viên

Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Hiệp hội hướng dẫn viên du lịch tổ chức các khóa cập nhật kiến thức và cấp giấy chứng nhận cho hướng dẫn viên theo Mẫu số 05 Phụ lục V Thông tư này.

Chương V **GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH**

Điều 20. Quy định chung về giao dịch điện tử trong lĩnh vực du lịch

1. Giao dịch điện tử trong lĩnh vực du lịch là các giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật thể hiện trong lĩnh vực du lịch bao gồm các hoạt động kinh

doanh, tuyên truyền, quảng bá, tiếp thị, quảng cáo, xúc tiến và quản lý nhà nước về du lịch.

2. Các giao dịch điện tử quy định tại khoản 1 Điều này phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, quảng cáo, thương mại điện tử, tài chính, ngân hàng, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định của Thông tư này.

3. Dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực du lịch thực hiện theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Cổng thông tin điện tử của Bộ hoặc tại địa chỉ do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Điều 21. Giao dịch giữa tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ và khách du lịch.

1. Tổ chức, cá nhân tạo lập các trang thông tin điện tử (website) hoặc ứng dụng di động chào bán sản phẩm, dịch vụ du lịch trong lãnh thổ Việt Nam do chính chủ sở hữu (hoặc đơn vị được chủ sở hữu ủy quyền) trang thông tin này cung cấp, phải thực hiện thông báo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật Việt Nam về thương mại điện tử.

2. Tổ chức, cá nhân chào bán dịch vụ lữ hành trên trang thông tin thương mại điện tử do mình sở hữu (hoặc đơn vị được chủ sở hữu ủy quyền) phải có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành tương ứng với chương trình du lịch chào bán; số hiệu giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành phải được đăng trên trang chủ của trang thông tin thương mại điện tử.

3. Tổ chức, cá nhân chỉ được chào bán dịch vụ lưu trú trên trang thông tin thương mại điện tử do mình sở hữu (hoặc đơn vị được chủ sở hữu ủy quyền) khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch theo quy định của Điều 49 Luật Du lịch. Trường hợp cơ sở lưu trú đang trong quá trình xây dựng hoặc sửa chữa, trong hợp đồng giao dịch điện tử phải công khai thông tin về thời gian dự kiến hoàn thành, đáp ứng các điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch.

4. Thông tin, hình ảnh sản phẩm, dịch vụ du lịch được chào bán trên trang thông tin thương mại điện tử du lịch phải trung thực, chính xác và được cập nhật ít nhất 6 tháng/lần.

Điều 22. Giao dịch trực tuyến giữa tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch với khách du lịch qua sàn giao dịch điện tử

1. Tổ chức, cá nhân tạo lập các sàn giao dịch điện tử hoặc ứng dụng di động cung ứng dịch vụ trung gian giữa bên bán và bên mua các dịch vụ du lịch trong lãnh thổ Việt Nam, thể hiện bằng tiếng Việt, phải thực hiện đăng ký, công bố thông tin theo quy định của pháp luật Việt Nam về thương mại điện tử.

2. Các tổ chức, cá nhân Việt Nam có quyền chọn các sàn giao dịch điện tử trong nước hay nước ngoài để bán các sản phẩm dịch vụ của mình, nhưng không được dùng tiếng Việt để chào bán sản phẩm, dịch vụ du lịch, trên các sàn giao dịch điện tử chưa được Việt Nam cấp phép.

3. Sàn giao dịch điện tử chỉ được bán chương trình du lịch của doanh nghiệp đã có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành; phải bảo đảm trách nhiệm của đại lý lữ hành quy định tại Điều 43 Luật Du lịch.

4. Sàn giao dịch điện tử chỉ được bán dịch vụ lưu trú của cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch theo quy định tại Điều 49 Luật Du lịch.

5. Khách du lịch mua dịch vụ du lịch thông qua sàn giao dịch điện tử thì hợp đồng cung cấp dịch vụ là hợp đồng giữa doanh nghiệp cung cấp dịch vụ du lịch và khách du lịch.

6. Hợp đồng giữa Sàn giao dịch và tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch phải xác định rõ phạm vi trách nhiệm của mỗi bên đối với khách du lịch.

7. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu kiện giữa khách du lịch và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ du lịch, sàn giao dịch điện tử có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; hỗ trợ khách du lịch tìm kiếm các dịch vụ thay thế có tiêu chuẩn tương đương hoặc tốt hơn.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Phụ lục

Ban hành kèm theo Thông tư này các Phụ lục về mẫu thông báo, đơn đề nghị; mẫu giấy phép, mẫu thẻ; mẫu biển hiệu và các mẫu chứng chỉ, giấy xác nhận trong lĩnh vực Du lịch:

1. Phụ lục I: Mẫu đơn đề nghị công nhận điểm du lịch, khu du lịch

- a) Mẫu số 01: Đơn đề nghị công nhận điểm du lịch;
- b) Mẫu số 02: Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh;
- c) Mẫu số 03: Đơn đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia.

2. Phụ lục II. Mẫu thông báo, đơn đề nghị; mẫu giấy phép và các mẫu chứng chỉ trong lĩnh vực Lữ hành

- a) Mẫu số 01: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;
- b) Mẫu số 02: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;
- c) Mẫu số 03: Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;
- d) Mẫu số 04: Mẫu chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa/quốc tế
- đ) Mẫu số 05: Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành;
- e) Mẫu số 06: Mẫu Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa;
- g) Mẫu số 07: Mẫu Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế.

3. Phụ lục III. Mẫu đơn, mẫu biên hiệu trong lĩnh vực Lưu trú du lịch

a) Mẫu số 01: Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch;

b) Mẫu số 02: Mẫu biên công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch.

4. Phụ lục IV. Mẫu đơn, mẫu biên hiệu về dịch vụ du lịch khác

a) Mẫu số 01: Đơn đề nghị công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch;

b) Mẫu số 02: Mẫu biên hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác.

5. Phụ lục V. Mẫu đơn đề nghị, mẫu thẻ, chứng chỉ, giấy xác nhận trong hoạt động hướng dẫn du lịch

a) Mẫu số 01: Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch;

b) Mẫu số 02: Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch;

c) Mẫu số 03: Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch;

d) Mẫu số 04: Mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch;

đ) Mẫu số 05: Mẫu Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch quốc tế, hướng dẫn viên du lịch nội địa;

e) Mẫu số 06: Tiêu chuẩn về chứng chỉ ngoại ngữ do cơ quan có thẩm quyền cấp;

g) Mẫu số 07: Chứng chỉ sử dụng thành thạo ngoại ngữ của người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế;

h) Mẫu số 08: Mẫu chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.

6. Phụ lục VI: Mẫu đơn đề nghị thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018

2. Thông tư số 89/2008/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về kinh doanh lữ hành, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam, hướng dẫn du lịch và xúc tiến du lịch; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/06/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về lưu trú du lịch; mục VII Điều 1 và mục VII Điều 2 Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản

lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Du lịch là cơ quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, triển khai, hướng dẫn giải đáp các vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch và Vụ Pháp chế) để kịp thời xem xét, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Sở Du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ VHTTDL: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công báo;
- Lưu: VT, TCDL, NTT.(250).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện

Phụ lục I
Mẫu đơn đề nghị công nhận điểm du lịch, khu du lịch
(Kèm theo Thông tư số /20.../TT-BVHTTDL
ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận điểm du lịch
Mẫu số 02	Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh
Mẫu số 03	Đơn đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia

Tên chủ thể quản lý hoặc chủ đầu tư, chủ sở hữu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHÂN ĐIỂM DU LỊCH

Kính gửi: Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh (TP)....

- Tên chủ thể quản lý hoặc chủ đầu tư, chủ sở hữu:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- Email:
- Website:

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định công nhận điểm du lịch quốc gia cho(*Tên điểm du lịch*)...

Hồ sơ đề nghị công nhận điểm du lịch quốc gia gồm:

1. Đơn đề nghị công nhận điểm du lịch quốc gia
2. Bản thuyết minh đề nghị công nhận điểm du lịch quốc gia

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Chức vụ, quyền hạn)
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tên chủ thể quản lý hoặc chủ đầu tư, chủ sở hữu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHÂN KHU DU LỊCH CẤP TỈNH

Kính gửi: Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh (TP)....

- Tên chủ thể quản lý hoặc chủ đầu tư, chủ sở hữu:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- Email:
- Website:

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định công nhận Khu du lịch cấp tỉnh cho....(*Tên Khu du lịch*)...

Hồ sơ đề nghị công nhận Khu du lịch cấp tỉnh gồm:

1. Đơn đề nghị công nhận Khu du lịch cấp tỉnh
2. Bản thuyết minh đề nghị công nhận Khu du lịch cấp tỉnh

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị công nhận Khu du lịch cấp tỉnh.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Chức vụ, quyền hạn)
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tên chủ thể quản lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU DU LỊCH QUỐC GIA

Kính gửi: Tổng cục Du lịch

Căn cứ vào các quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân đề nghị Tổng cục Du lịch thẩm định công nhận khu du lịch quốc gia cho....(*Tên điểm du lịch*)...

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

Fax:

- Email:

- Website:

Hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia gồm:

1. Đơn đề nghị công nhận điểm du lịch quốc gia
2. Bản thuyết minh đề nghị công nhận điểm du lịch quốc gia

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị công nhận điểm du lịch quốc gia.

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục II

Mẫu thông báo, đơn đề nghị, mẫu giấy phép và các mẫu chứng chỉ trong lĩnh vực Lữ hành

(Kèm theo Thông tư số .../20.../TT-BVHTTDL
ngày ... tháng ... năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành
Mẫu số 04	Mẫu chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa/quốc tế
Mẫu số 05	Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành
Mẫu số 06	Mẫu Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
Mẫu số 07	Mẫu Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH LỬ HÀNH**

1. Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):.....
 Tên giao dịch:.....
 Tên viết tắt:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính :.....
 Điện thoại :..... - Fax :.....
 Website :..... - Email :.....
 3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....
Giới tính :.....
 Chức danh:.....
 Sinh ngày :...../...../..... Dân tộc :..... Quốc tịch :.....
 Giấy chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu) số:.....
 Ngày cấp : / / Nơi cấp :
 Email: Điện thoại:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :.....
 Chỗ ở hiện tại :.....
 4. Tên, địa chỉ chi nhánh :.....

 5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện

 6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số.....
 cấp ngày / / nơi cấp:
 7. Tài khoản ký quỹ số..... tại ngân hàng.....
 Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị cấp giấy
 phép kinh doanh dịch vụ lữ hành cho doanh nghiệp.
 Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội
 dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

20

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH LỮ HÀNH

Kính gửi: Tổng cục Du lịch (trong trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế);
Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố... (trong trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa)

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....
Tên giao dịch:.....
Tên viết tắt:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính :.....
.....
Điện thoại :..... - Fax :.....
Website :..... - Email :.....
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....
.....Giới tính :.....
Chức danh:.....
Sinh ngày :...../...../..... Dân tộc :..... Quốc tịch :.....
Giấy CMTND/thẻ căn cước/hộ chiếu số :.....
Ngày cấp :/...../..... Nơi cấp :
Email: Điện thoại:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :.....
.....
Chỗ ở hiện tại :.....
.....
4. Tên, địa chỉ chi nhánh :.....
.....
5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện
.....
6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số.....
cấp ngày/...../..... nơi cấp:
Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành số do:
..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
7. Tài khoản ký quỹ số..... tại ngân hàng.....
8. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:.....

.....
.....
Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị..... cấp lại
giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành cho doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội
dung hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐỔI GIẤY PHÉP KINH DOANH LỮ HÀNH

Kính gửi: Tổng cục Du lịch (trong trường hợp đề nghị đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế);
Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố... (trong trường hợp đề nghị đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa)

1. Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):.....
 Tên giao dịch:.....
 Tên viết tắt:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính :.....

 Điện thoại :..... - Fax :.....
 Website :..... - Email :.....
 3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....
Giới tính :.....
 Chức danh:.....
 Sinh ngày :...../...../..... Dân tộc :..... Quốc tịch :.....
 Giấy chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu số:.....
 Ngày cấp :/...../..... Nơi cấp :
 Email: Điện thoại:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :

 Chỗ ở hiện tại :.....

 4. Tên, địa chỉ chi nhánh :.....

 5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện

 6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số.....
 cấp ngày/...../..... nơi cấp:
 7. Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành số do:
 cấp ngày.....tháng.....năm.....
 8. Tài khoản ký quỹ số..... tại ngân hàng.....
 9. Lý do đề nghị đổi giấy phép:.....

.....
.....
Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị
đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành cho doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội
dung hồ sơ đề nghị đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Cấp cho Ông/Bà:

Sinh ngày.../.../.....

Số chứng minh thư nhân dân /Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

Do cấp ngày.../.../..... tại

Đã hoàn thành khóa đào tạo: Nghiệp vụ hướng dẫn điều hành du lịch nội địa.

Được tổ chức tại

Từ ngày.../.../20... đến ngày .../.../20....

Địa danh, ngày.../.../20...

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Chức vụ, quyền hạn)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Cấp cho Ông/Bà:

Sinh ngày.../.../.....

Số chứng minh thư nhân dân /Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

Do cấp ngày.../.../.....tại.....

Đã hoàn thành khóa đào tạo: Nghiệp vụ hướng dẫn điều hành du lịch quốc tế.

Được tổ chức tại

Từ ngày.../.../20... đến ngày .../.../20....

Địa danh, ngày.../.../20...

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Chức vụ, quyền hạn)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LỮ HÀNH

Kính gửi: Tổng cục Du lịch (trong trường hợp đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế);
Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...(trong trường hợp đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa).

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên giao dịch:

Tên viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Điện thoại: Fax:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Giới tính:

Chức danh:

4. Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành số do
cấp ngày ... tháng ... năm ...

5. Lý do chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành:.....

6. Kiến nghị:

(Tên doanh nghiệp) chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành
kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Tổng cục Du lịch/Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch..... ban hành quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành số: ngày ... tháng ... năm

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

1. Trang bìa (trang thứ nhất)¹:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ỦY BAN DÂN DÂN
SỞ DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH.....**



**GIẤY PHÉP
KINH DOANH LỮ HÀNH NỘI ĐỊA
DOMESTIC TOUR OPERATOR LICENCE**

Số GP : /20...../SDL/SVHTTDL - GP LHND

¹ Bìa cứng, kích thước khổ A3 gấp đôi, nền màu đỏ, chữ và quốc huy vàng

2. Trang bìa (trang thứ hai)

Doanh nghiệp cần biết

I. Quy định sử dụng Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (KD LHNĐ)

1. Xuất trình giấy phép KD LHNĐ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung giấy phép KD LHNĐ;
3. Nghiêm cấm cho thuê, cho mượn giấy phép KD LHNĐ;
4. Khi mất phải khai báo với cơ quan công an, cơ quan cấp giấy phép KD LHNĐ và làm thủ tục cấp lại giấy phép KD LHNĐ theo quy định.

II. Các trường hợp thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành (trích khoản 1 Điều 36 Luật Du lịch)

1. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản;
2. Doanh nghiệp không đáp ứng một trong các điều kiện kinh doanh dịch vụ lữ hành quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch;
3. Doanh nghiệp không đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Du lịch;
4. Doanh nghiệp làm phương hại đến chủ quyền, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh;
5. Doanh nghiệp lợi dụng hoạt động du lịch để đưa người từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam trái pháp luật;
6. Doanh nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh;
7. Doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 37 Luật Du lịch, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch;
8. Doanh nghiệp giả mạo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

III. Các quy định của nhà nước về kinh doanh dịch vụ lữ hành:

Các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lữ hành được đăng tải tại trang web: www.vietnamtourism.gov.vn, <http://quanlyluhanh.vn>.

3. Trang nội dung²:

UBND TỈNH/TP.....
**SỞ DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY PHÉP
KINH DOANH LỮ HÀNH NỘI ĐỊA
DOMESTIC TOUR OPERATOR LICENCE**

1. Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch:.....

Tên viết tắt:.....

2. Trụ sở chính:

.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website:.....

3. Tài khoản ký quỹ số:.....

Tại Ngân hàng:.....

4. Ngành nghề kinh doanh:

5. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức danh:.....

Họ và tên:.....Nam/Nữ:.....

Sinh ngày.../.../.... Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Giấy chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp:.../.../.....Nơi cấp:.....

Chữ ký:.....

Hà Nội, ngày....tháng.....năm
GIÁM ĐỐC

Đăng ký vào sổ GP số:....

² Bìa cứng, kích thước khổ A4, nền hoa văn chìm, chữ đen

1. Trang bìa (trang thứ nhất)³:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỔNG CỤC DU LỊCH



GIẤY PHÉP
KINH DOANH LỮ HÀNH QUỐC TẾ
INTERNATIONAL TOUR OPERATOR LICENCE

Số GP : /20...../TCDL - GP LHQT

2. Trang bìa (trang thứ hai)

³ Bìa cứng, kích thước khổ A3 gấp đôi, nền màu đỏ, chữ và quốc huy vàng

Doanh nghiệp cần biết

I. Quy định sử dụng Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (KD LHQT)

1. Xuất trình giấy phép KD LHQT khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung giấy phép KD LHQT;
3. Nghiêm cấm cho thuê, cho mượn giấy phép KD LHQT;
4. Khi mất phải khai báo với cơ quan công an, cơ quan cấp giấy phép KD LHQT và làm thủ tục cấp lại giấy phép KD LHQT theo quy định.

II. Các trường hợp thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành (trích khoản 1 Điều 36 Luật Du lịch)

1. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản;
2. Doanh nghiệp không đáp ứng một trong các điều kiện kinh doanh dịch vụ lữ hành quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch;
3. Doanh nghiệp không đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Du lịch;
4. Doanh nghiệp làm phương hại đến chủ quyền, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh;
5. Doanh nghiệp lợi dụng hoạt động du lịch để đưa người từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam trái pháp luật;
6. Doanh nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh;
7. Doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 37 Luật Du lịch, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch;
8. Doanh nghiệp giả mạo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

III. Các quy định của nhà nước về kinh doanh dịch vụ lữ hành:

Các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lữ hành được đăng tải tại trang web: www.vietnamtourism.gov.vn, <http://quanlyluhanh.vn>.

3. Trang nội dung⁴:

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỔNG CỤC DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
KINH DOANH LỮ HÀNH QUỐC TẾ

1. Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch:.....

Tên viết tắt:.....

2. Trụ sở chính:

.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website:.....

3. Tài khoản ký quỹ số:.....

Tại Ngân hàng:.....

4. Ngành nghề kinh doanh:

5. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức danh:.....

Họ và tên:.....Nam/Nữ:.....

Sinh ngày.../.../.... Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Giấy chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp:.../.../.....Nơi cấp:.....

Chữ ký:.....

Hà Nội, ngày....tháng.....năm
TỔNG CỤC TRƯỞNG

Đăng ký vào sổ GP số:....

⁴ Bìa cứng, kích thước khổ A4, nền hoa văn chìm, chữ đen

Phụ lục III
Mẫu đơn đề nghị, mẫu biên hiệu trong lĩnh vực lưu trú du lịch
(Kèm theo Thông tư số /2017/TT-BVHTTDL
ngày tháng năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch
Mẫu số 02	Mẫu biên công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch

TÊN DOANH NGHIỆP
Tên cơ sở lưu trú du lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... thángnăm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XẾP HẠNG CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH

Kính gửi: Tổng cục Du lịch (đối với hạng 4 sao trở lên)
Sở Du lịch (sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh (TP)...
(đối với hạng từ 1-3 sao)

Thực hiện Luật Du lịch, sau khi nghiên cứu Tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch hiện hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị (*)
..... xem xét, xếp hạng cho cơ sở lưu trú du lịch.

1. Thông tin chung về cơ sở lưu trú du lịch

- Loại, tên cơ sở lưu trú du lịch:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email: Website:
- Số đăng ký kinh doanh:, cơ quan cấp:.....
- Thời điểm bắt đầu kinh doanh:
- Có cam kết, giấy chứng nhận về:

STT	Điều kiện	Cam kết thực hiện	Giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền
1	An ninh trật tự		
2	Phòng chống cháy nổ		
3	Phòng chống tệ nạn xã hội		
4	Bảo vệ môi trường		
5	Vệ sinh an toàn thực phẩm		

2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

- Tổng vốn đầu tư ban đầu:
- Tổng vốn đầu tư nâng cấp:
- Tổng diện tích mặt bằng (m²):
- Tổng diện tích mặt bằng xây dựng (m²):
- Tổng số buồng: Công suất buồng bình quân (%):

STT	Loại buồng	Số lượng buồng	Giá buồng	
			VND	USD
1				
2				

3				
...				

- Dịch vụ có trong cơ sở lưu trú du lịch:

.....

3. Người quản lý và nhân viên phục vụ:

- Tổng số:

Trong đó:

Trực tiếp:

Lễ tân:

Bếp:

Gián tiếp:

Buồng:

Khác:

Ban giám đốc:

Bàn, bar:

- Trình độ:

Trên đại học:

Đại học:

Cao đẳng:

Trung cấp:

Sơ cấp:

THPT:

- Được đào tạo nghiệp vụ (%):

- Được đào tạo Ngoại ngữ (%):

4. Kết quả kinh doanh (năm trước liền kề)

- Tổng số khách lưu trú:

Quốc tế:

Nội địa:

- Tổng số ngày khách:

Quốc tế:

Nội địa:

- Tổng doanh thu:

Lưu trú:

Nhà hàng:

Khác:

- Lợi nhuận:

Trước thuế:

Sau thuế:

- Nộp ngân sách:

- Chính sách trong tổ chức hoạt động kinh doanh:

5. Công tác khác

- Đào tạo, bồi dưỡng

- Vệ sinh an toàn thực phẩm

- Bảo vệ môi trường

- An ninh trật tự

- Phòng chống cháy nổ

- Hoạt động khác.

6. Hạng đề nghị:

Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm túc và bảo đảm chất lượng theo đúng tiêu chuẩn quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

**GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
HOẶC CHỦ CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH**

Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*) Thủ trưởng cơ quan nhà nước về du lịch theo thẩm quyền xếp hạng

MẪU BIÊN HẠNG CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH

LOẠI, TÊN CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH (TIẾNG VIỆT) LOẠI, TÊN CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH (TIẾNG ANH)				
				
TỔNG CỤC DU LỊCH VIETNAM NATIONAL ADMINISTRATION OF TOURISM				

LOẠI, TÊN CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH (TIẾNG VIỆT) LOẠI, TÊN CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH (TIẾNG ANH)	
	
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH (TP)... ...DEPARTMENT OF CULTURE, SPORTS AND TOURISM	

I. Chất liệu: bằng đồng thau, sáng, bóng.

II. Kích thước: dài 47,5cm; rộng 32,5cm (xem hình minh họa)

III. Hình thức trang trí: chữ và đường diềm dập chìm, phủ sơn màu xanh dương.

IV. Kích thước chữ:

1. *Đường diềm:* đậm 0,2cm.

2. *Dòng thứ nhất:*

- Loại, tên cơ sở lưu trú du lịch (tiếng Việt).

- Chữ in hoa đậm, có chân. Chiều cao chữ 1,2cm; chiều ngang chữ 1,2cm; đậm chữ 0,3cm; khoảng cách giữa các từ 0,5cm.

3. *Dòng thứ hai:*

- Tên cơ sở lưu trú du lịch (tiếng Anh).

- Chữ in hoa, không chân. Chiều cao chữ 1cm; chiều ngang chữ 0,7cm; đậm chữ 0,2cm; khoảng cách giữa các từ 0,5cm.

4. *Dòng thứ ba:*

- Đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch hoặc hạng cao cấp. Chữ in hoa đậm, có chân. Chiều cao chữ 1,2cm; chiều ngang chữ 1,2cm; đậm chữ 0,3cm; khoảng cách giữa các từ 0,5cm.

- Hình ngôi sao (đối với hạng từ 1 sao đến 5 sao). Chiều cao sao, chiều ngang sao 5,5cm; khoảng cách từ tâm sao đến đỉnh sao 3cm; chiều dày sao 0,7cm. Khoảng cách giữa các sao tùy thuộc vào thứ hạng sao được xếp mà trang trí cho cân đối, thẳng hàng.

5. *Dòng thứ tư:*

- Standard tourist accomodation (đối với hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch) hoặc Luxury (đối với hạng cao cấp)

- Chữ in hoa, không chân. Chiều cao chữ 1cm; chiều ngang chữ 0,7cm; đậm chữ 0,2cm; khoảng cách giữa các từ 0,5cm.

6. *Dòng thứ năm:*

- Tổng cục Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh (TP)...

- Chữ in hoa đậm, có chân. Chiều cao chữ 1,2cm; chiều ngang chữ 1,2cm; đậm chữ 0,3cm; khoảng cách giữa các từ 0,8cm.

7. *Dòng thứ sáu:*

- Vietnam National Administration of Tourism hoặc ...+ Department of Culture, Sports and Tourism.

- Chữ in hoa, không chân. Chiều cao chữ 0,9cm; chiều ngang chữ 0,7cm; đậm chữ 0,2cm; khoảng cách giữa các từ 0,5cm.

V. Khoảng cách giữa các dòng:

- Từ mép trên đường diềm đến dòng thứ nhất: 2,5cm.

- Từ mép dưới dòng thứ nhất đến mép trên dòng thứ hai: 1,5cm.

- Từ mép dưới dòng thứ hai đến mép trên dòng thứ ba: 4,2cm.

- Từ mép dưới dòng thứ ba đến mép trên dòng thứ tư: 1,2cm.

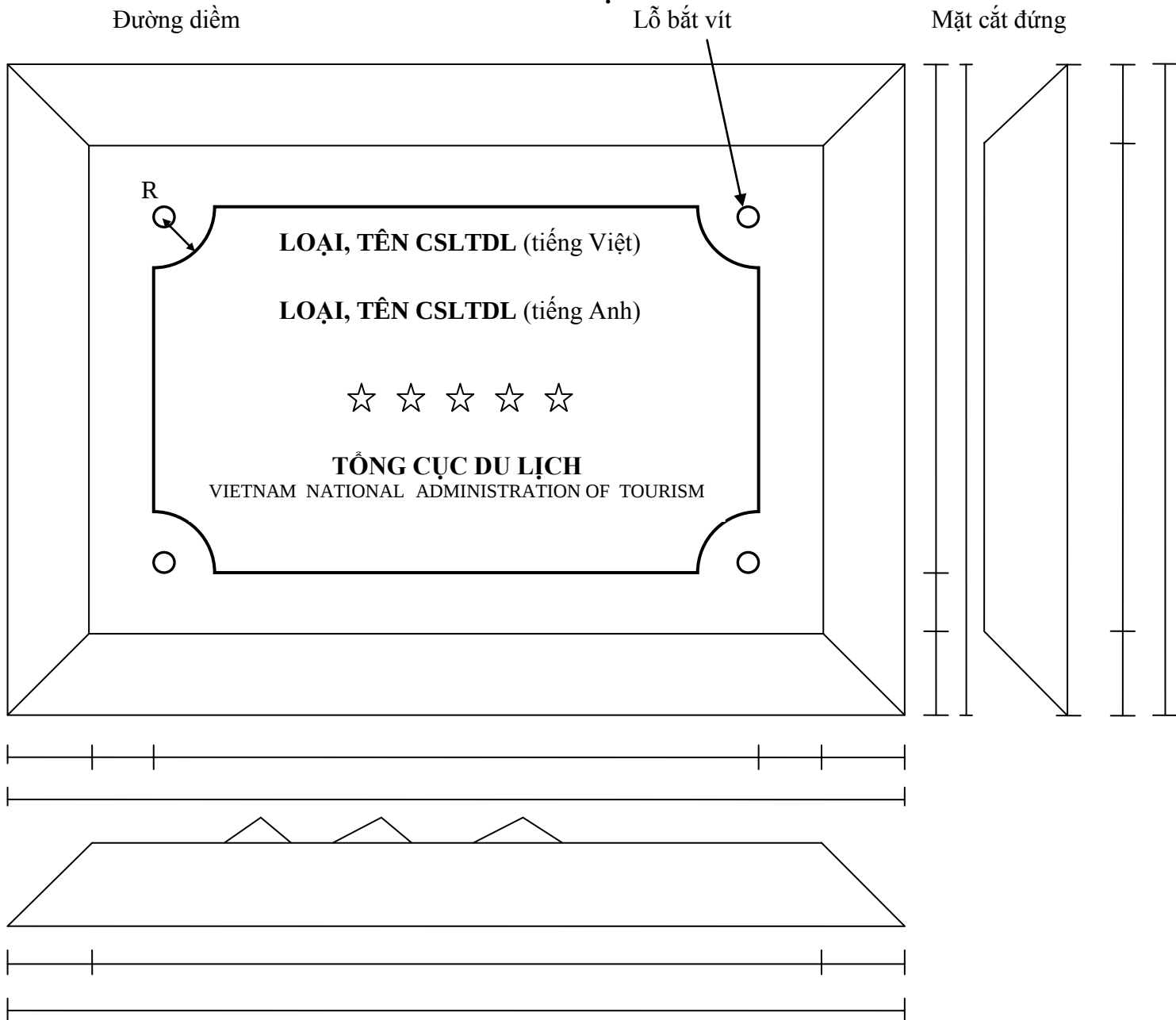
- Từ mép dưới dòng thứ tư đến mép trên dòng thứ năm: 3,8cm.

- Từ mép dưới dòng thứ năm đến mép trên dòng thứ sáu: 1,2cm.

- Từ mép dưới dòng thứ sáu đến mép trên đường diềm: 2,5cm.

HÌNH MINH HỌA

Hình 1: Mặt trước



Hình 2: Mặt cắt ngang

Ghi chú:

- 1.Lỗ bắt vít: 0.5
- 2.R: 1.0
- 3.Kích thước tính theo đơn vị cm

Phụ lục IV

Mẫu đơn đề nghị, mẫu biển hiệu trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch khác

*(Kèm theo Thông tư số /2017/TT-BVHTTDL
ngày tháng năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
Mẫu số 02	Mẫu biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác

TÊN DOANH NGHIỆP
Tên cơ sở dịch vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... thángnăm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BIỂN HIỆU
ĐẠT TIÊU CHUẨN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh (TP).....

- Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống hoặc mua sắm:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Email:..... Website:.....
- Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
- Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Thời gian bắt đầu kinh doanh:.....
- Tổng số người quản lý và nhân viên phục vụ:.....
- Có cam kết, giấy chứng nhận về:

STT	Điều kiện	Cam kết thực hiện	Giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền
1	An ninh trật tự		
2	Phòng chống cháy nổ		
3	Phòng chống tệ nạn xã hội		
4	Bảo vệ môi trường		
5	Vệ sinh an toàn thực phẩm		

- Đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm túc và bảo đảm chất lượng theo đúng tiêu chuẩn quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

GIÁM ĐỐC HOẶC CHỦ CƠ SỞ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

MẪU BIÊN HIỆU ĐẠT TIÊU CHUẨN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH

TÊN CƠ SỞ KINH DOANH DỊCH VỤ (TIẾNG VIỆT) TÊN CƠ SỞ KINH DOANH DỊCH VỤ (TIẾNG ANH) ĐẠT TIÊU CHUẨN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH STANDARD SERVICES FOR TOURISTS SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH/SỞ DU LỊCH TỈNH (TP)... ...DEPARTMENT OF CULTURE, SPORTS AND TOURISM

I. Chất liệu, kích thước, hình thức trang trí, khoảng cách giữa các dòng:

Như biên hạng cơ sở lưu trú du lịch

II. Kích thước chữ:

1. *Đường diềm*: đậm 0,2cm.
2. *Dòng thứ nhất*:
 - Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ (tiếng Việt).
 - Chữ in hoa đậm, có chân. Chiều cao chữ 1,2cm; chiều ngang chữ 1,2cm; đậm chữ 0,3cm; khoảng cách giữa các từ 0,5cm.
3. *Dòng thứ hai*:
 - Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ (tiếng Anh).
 - Chữ in hoa, không chân. Chiều cao chữ 1cm; chiều ngang chữ 0,7cm; đậm chữ 0,2cm; khoảng cách giữa các từ 0,5cm.
4. *Dòng thứ ba*:
 - Đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
 - Chữ in hoa đậm, có chân. Chiều cao chữ 1,2cm; chiều ngang chữ 1,2cm; đậm chữ 0,3cm; khoảng cách giữa các từ 0,5cm.
5. *Dòng thứ tư*:
 - Standard services for tourists
 - Chữ in hoa, không chân. Chiều cao chữ 1cm; chiều ngang chữ 0,7cm; đậm chữ 0,2cm; khoảng cách giữa các từ 0,5cm.
6. *Dòng thứ năm*:
 - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Du lịch
 - Chữ in hoa đậm, có chân. Chiều cao chữ 1,2cm; chiều ngang chữ 1,2cm; đậm chữ 0,3cm; khoảng cách giữa các từ 0,8cm.
7. *Dòng thứ sáu*:
 - ...+ Department of Culture, Sports and Tourism
 - Chữ in hoa, không chân. Chiều cao chữ 0,9cm; chiều ngang chữ 0,7cm; đậm chữ 0,2cm; khoảng cách giữa các từ 0,5cm.

Phụ lục V

Mẫu đơn đề nghị, mẫu thẻ, chứng chỉ, giấy xác nhận trong hoạt động hướng dẫn du lịch

*(Kèm theo Thông tư số /20.../TT-BVHTTDL
ngày tháng năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch
Mẫu số 04	Mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch
Mẫu số 05	Mẫu Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch quốc tế, hướng dẫn viên du lịch nội địa
Mẫu số 06	Tiêu chuẩn về chứng chỉ ngoại ngữ do cơ quan có thẩm quyền cấp
Mẫu số 07	Giấy chứng nhận đạt trình độ ngoại ngữ của người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế
Mẫu số 08	Mẫu chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch

Kính gửi: Sở Du lịch, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.....

- Họ và tên (viết in hoa):
- Ngày sinh:/...../..... - Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
- Dân tộc: - Tôn giáo:
- Giấy chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu số :
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Email:

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch..... thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch cho tôi theo quy định của Luật Du lịch.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

....., ngày....tháng ... năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch.....

Kính gửi: Sở Du lịch, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.....

- Họ và tên (viết in hoa):
- Ngày sinh:/...../..... - Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
- Dân tộc: - Tôn giáo:
- Giấy chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu số : - Nơi cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Emai:
- Đã được cấp thẻ hướng dẫn viên:
- + Loại: ☐ Nội địa ☐ Quốc tế
- + Số thẻ: - Nơi cấp: - Ngày hết hạn:/...../.....
- Lý do đề nghị cấp đổi thẻ:
-

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch..... thẩm định và cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch cho tôi theo quy định của Luật Du lịch.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

....., ngày...tháng ... năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.....

Kính gửi: Sở Du lịch, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.....

- Họ và tên (viết in hoa):
- Ngày sinh:/...../..... - Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
- Dân tộc: - Tôn giáo:
- Giấy chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu số : - Nơi cấp:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Email:
- Đã được cấp thẻ hướng dẫn viên:
- + Loại: ☐ Nội địa ☐ Quốc tế
- + Số thẻ: - Nơi cấp: - Ngày hết hạn:/...../.....
- Lý do đề nghị cấp lại thẻ:

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch..... thẩm định và cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch cho tôi theo quy định của Luật Du lịch.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

....., ngày.....tháng ... năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ

(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU THẺ HƯỚNG DẪN VIÊN

1. Mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế

a) Mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế – mặt trước:

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỔNG CỤC DU LỊCH THẺ HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH QUỐC TẾ INTERNATIONAL TOUR GUIDE LICENCE	
Ảnh	Họ và tên/Name: Số chứng minh thư nhân dân (Thẻ căn cước công dân) ID: Ngôn ngữ/Language:
QR CODE (Mã phản hồi nhanh)	Số thẻ/Licensed No ^(*) : Giá trị đến/Exp: .../.../...

b) Mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế – mặt sau

http://www.vietnamtourism.gov.vn
http://www.huongdanvien.vn
- Phải đeo thẻ khi làm nhiệm vụ; - Trung thực, tận tụy, hòa nhã, chu đáo với khách; - Chấp hành và hướng dẫn khách tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy của các khu, tuyến, điểm du lịch.

c) Túi đựng thẻ: Túi da màu nâu đỏ, một mặt kín, một mặt nhựa trong viên da cùng màu mặt sau.

d) Dây đeo thẻ: dây đeo bằng sợi tổng hợp bản rộng 20mm, dài 500mm, có móc đeo túi đựng thẻ, màu xanh nước biển, trên dây đeo thẻ in dòng chữ <http://www.huongdanvien.vn> màu trắng nổi tiếp cả 2 mặt dây.

QUY CÁCH THẺ:

a) Ứng dụng:

- Hướng dẫn viên du lịch quốc tế

b) Chi tiết kỹ thuật của thẻ:

- Kích thước: 85.6mm x 54mm (dài x rộng);
- Chất liệu: PVC;
- Độ dày: 0.87mm.

c) Mặt trước của thẻ:

- Màu sắc: Thẻ hướng dẫn viên quốc tế màu xanh nước biển, trắng;
- In hình ảnh theo công nghệ in off-set: Tên cơ quan chủ quản: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch; Logo ngành du lịch (in chìm); ảnh hướng dẫn viên; loại thẻ; thông tin về hướng dẫn viên; thông tin về thời hạn sử dụng thẻ và mã phản ứng nhanh (QR CODE);
- Mã số thẻ hướng dẫn viên được dập nổi, phủ nhũ bạc.

d) Mặt sau của thẻ:

- Quy định nghĩa vụ của hướng dẫn viên;
- Địa chỉ website: <http://www.vietnamtourism.gov.vn>,
<http://www.huongdanhvien.vn>;

2. Mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa

a) Mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa – mặt trước

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỔNG CỤC DU LỊCH THẺ HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH QUỐC TẾ DOMESTIC TOUR GUIDE LICENCE	
Ảnh	Họ và tên/Name: Số chứng minh thư nhân dân (Thẻ căn cước công dân) ID: Ngôn ngữ/Language: Tiếng Việt
QR CODE (Mã phản hồi nhanh)	Số thẻ/Licensed No ^(*) : Giá trị đến/Exp: .../.../...

b) Mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa – mặt sau

http://www.vietnamtourism.gov.vn
http://www.huongdanhvien.vn
- Phải đeo thẻ khi làm nhiệm vụ; - Trung thực, tận tụy, hòa nhã, chu đáo với khách; - Chấp hành và hướng dẫn khách tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy của các khu, tuyến, điểm du lịch.

c) **Túi đựng thẻ:** Túi da màu nâu đỏ, một mặt kín, một mặt nhựa trong viền da cùng màu mặt sau.

d) **Dây đeo thẻ:** dây đeo bằng sợi tổng hợp bản rộng 20mm, dài 500mm, có móc đeo túi đựng thẻ, màu đỏ, trên dây đeo thẻ in dòng chữ <http://www.huongdanvien.vn> màu trắng nổi tiếp cả 2 mặt dây.

QUY CÁCH THẺ:

a) *Ứng dụng:*

- Hướng dẫn viên du lịch nội địa

b) *Chi tiết kỹ thuật của thẻ:*

- Kích thước: 85.6mm x 54mm (dài x rộng);

- Chất liệu: PVC;

- Độ dày: 0.87mm.

c) *Mặt trước của thẻ:*

- Màu sắc: Thẻ hướng dẫn viên nội địa màu hồng cánh sen, trắng;

- In hình ảnh theo công nghệ in off-set: Tên cơ quan chủ quản: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch; Logo ngành du lịch (in chìm); ảnh hướng dẫn viên; loại thẻ; thông tin về hướng dẫn viên; thông tin về thời hạn sử dụng thẻ và mã phản ứng nhanh (QR CODE);

- Mã số thẻ hướng dẫn viên được dập nổi, phủ nhũ bạc.

d) *Mặt sau của thẻ:*

- Quy định nghĩa vụ của hướng dẫn viên;

- Địa chỉ website: <http://www.vietnamtourism.gov.vn>,

<http://www.huongdanvien.vn>;

3. Mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm

a) **Mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm – mặt trước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ... SỞ DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH... THẺ HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH TẠI ĐIỂM ON-SIDE GUIDE LICENCE	
Ảnh	Họ và tên/Name: Số chứng minh thư nhân dân (Thẻ căn cước công dân) ID: Ngôn ngữ/Language: Khu/điểm du lịch:
QR CODE (Mã phản hồi nhanh)	Số thẻ/Licensed No ^(*) : Giá trị đến/Exp: .../.../...

b) Mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm – mặt sau

http://www.vietnamtourism.gov.vn
http://www.huongdanvien.vn
- Phải đeo thẻ khi làm nhiệm vụ; - Trung thực, tận tụy, hòa nhã, chu đáo với khách; - Chấp hành và hướng dẫn khách tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy của các khu, tuyến, điểm du lịch.

c) Túi đựng thẻ: Túi da màu nâu đỏ, một mặt kín, một mặt nhựa trong viên da cùng màu mặt sau.

d) Dây đeo thẻ: dây đeo bằng sợi tổng hợp bản rộng 20mm, dài 500mm, có móc đeo túi đựng thẻ, màu cam, trên dây đeo thẻ in dòng chữ <http://www.huongdanvien.vn> màu trắng nối tiếp cả 2 mặt dây.

QUY CÁCH THẺ:

a) Ứng dụng:

- Hướng dẫn viên du lịch tại điểm

b) Chi tiết kỹ thuật của thẻ:

- Kích thước: 85.6mm x 54mm (dài x rộng);
- Chất liệu: PVC;
- Độ dày: 0.87mm.

c) Mặt trước của thẻ:

- Màu sắc: Thẻ hướng dẫn viên tại điểm màu vàng cam, trắng;
 - In hình ảnh theo công nghệ in off-set: Tên cơ quan chủ quản: UBND tỉnh/thành, Sở Du lịch hoặc Sở VH-TDL...; Logo ngành du lịch (in chìm); ảnh hướng dẫn viên; loại thẻ; thông tin về hướng dẫn viên; thông tin về thời hạn sử dụng thẻ và mã phản ứng nhanh (QR CODE);
 - Mã số thẻ hướng dẫn viên được dập nổi, phủ nhũ bạc.

d) Mặt sau của thẻ:

- Quy định nghĩa vụ của hướng dẫn viên;
- Địa chỉ website: <http://www.vietnamtourism.gov.vn>,
<http://www.huongdanvien.vn>;

(*) Mã số thẻ hướng dẫn viên có chín số bao gồm số hiệu hướng dẫn viên du lịch quốc tế (1) hoặc hướng dẫn viên du lịch nội địa (2) hoặc hướng dẫn viên du lịch tại điểm (3), hai số tiếp theo là mã tỉnh, sáu số còn lại là thứ tự của thẻ hướng dẫn viên. Mã số thẻ hướng dẫn viên do Tổng cục Du lịch quản lý và không thay đổi trong trường hợp đổi hoặc cấp lại thẻ

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CQ/ĐƠN VỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
HOÀN THÀNH
KHÓA CẬP NHẬT KIẾN THỨC ĐỊNH KỲ**

Thời gian: từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Địa điểm tổ chức:.....

Cấp cho:

Ông/bà:

Số Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

Do.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Số thẻ hướng dẫn viên:

Địa danh, ngày... tháng... năm

Chức danh

(Ký tên và đóng dấu)

Tiêu chuẩn về chứng chỉ ngoại ngữ do cơ quan có thẩm quyền cấp

STT	Ngoại ngữ	Tiêu chuẩn về ngoại ngữ
1	Tiêu chuẩn chung	Tương đương B2 Khung trình độ Châu Âu
2	Tiếng Anh	
	Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL	- BPT 500 điểm; - CBT 173 điểm; - iBT 61 điểm.
	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS	5.5 điểm
	Chứng chỉ tiếng Anh Aptis	151 điểm
	Chứng chỉ tiếng Anh TOEIC	TOEIC Reading and Listening 650 điểm, TOEIC Speaking 160 điểm, TOEIC Writing 150 điểm
3	Tiếng Nhật	
	Chứng chỉ 5 cấp JLPT	N2
	Chứng chỉ tiếng Nhật OPIc	Advanced Low
4	Tiếng Trung	
	Chứng chỉ tiếng Trung 6 cấp HSK	Cấp độ 4
	Chứng chỉ tiếng Trung HSK K	HSK K intermeditate
5	Tiếng Đức	
	Chứng chỉ tiếng Đức	- ZDfB; - TestDaF level 4.
6	Tiếng Pháp	
	Chứng chỉ tiếng Pháp CIEP/Alliance	- DELF B2; - TCF niveau 4; - Diplome de Langue.
7	Tiếng Tây Ban Nha	
	Chứng chỉ tiếng Tây Ban Nha DELE	Nivel Intermedio
8	Tiếng Ý	
	Chứng chỉ tiếng Ý	- DILI / CELI 3 - CILS B2
9	Tiếng Hàn Quốc	
	Chứng chỉ tiếng Hàn KLPT	Bậc 4
	Chứng chỉ tiếng Hàn TOPIK (thi Nghe, Đọc, Viết) + OPIc tiếng Hàn	TOPIK Bậc 4 và OPIc tiếng Hàn Advanced Low
10	Tiếng Nga	
	Chứng chỉ tiếng Nga TRKI	TRKI 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUAN (NẾU CÓ)
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Cấp cho Ông/Bà:

Sinh ngày...../...../.....

Số Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

Do cấp ngày...../...../..... tại.....

Đã đạt kỳ kiểm tra trình độ ngoại ngữ hướng dẫn viên du lịch quốc tế

Được tổ chức tại

Vào ngày...../...../20...

Địa danh, ngày.../.../20...

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Chức vụ, quyền hạn)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUAN (NẾU CÓ)
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Cấp cho Ông/Bà:

Sinh ngày.../.../.....

Số Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

Do cấp ngày.../.../... tại.....

Đã hoàn thành khóa đào tạo: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa.

Được tổ chức tại

Từ ngày.../.../20... đến ngày .../.../20....

Địa danh, ngày.../.../20...

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Chức vụ, quyền hạn)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08b

Mẫu số 08a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUAN (NẾU CÓ)

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Cấp cho Ông/Bà:

Sinh ngày.../.../.....

Số Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

Do cấp ngày.../.../... tại

Đã hoàn thành khóa đào tạo: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế.

Được tổ chức tại

Từ ngày.../.../20... đến ngày .../.../20....

Địa danh, ngày.../.../20...

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Chức vụ, quyền hạn)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI.

Mẫu đơn đề nghị thành lập văn phòng đại diện của cơ quan du lịch của nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực tại Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số /2017/TT-BVHTTDL

ngày tháng năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: Tổng cục Du lịch

Sau khi tìm hiểu Luật Du lịch Việt Nam và các văn bản hướng dẫn liên quan, chúng tôi:

1. Thông tin chung về cơ quan/tổ chức.....:

Tên tổ chức:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Năm thành lập :.....

Giấy phép thành lập:.....

Nơi đăng ký thành lập :.....

Số vốn đăng ký: (nếu có).....

Điện thoại :.....Fax:.....

Website :.....Email:.....

Người đứng đầu/đại diện theo pháp luật:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch :.....

2. Các lĩnh vực hoạt động chính:

.....

.....

.....

.....

3. Tóm tắt các hoạt động trong thời gian gần đây:

.....

.....

.....
.....
Đăng ký thành lập Văn phòng đại diện củavới nội dung như sau:

1. Tên văn phòng đại diện:

Tên tiếng Việt:.....

Tên tiếng Anh:.....

Tên viết tắt:.....

Địa điểm (dự kiến):.....

2. Người đứng đầu Văn phòng đại diện:

Họ và tên:.....

Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu:.....

Do:.....cấp tại:.....ngày.....tháng.....năm.....

3. Tổng số nhân viên (dự kiến):

Số nhân viên có quốc tịch nước ngoài:.....người

Số nhân viên Việt Nam:.....người

4. Các nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

.....

.....

.....

5. Kế hoạch dự kiến triển khai hoạt động trong thời gian tới:

.....

.....

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực và chính xác của nội dung đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thành lập và hoạt động của các Văn phòng đại diện cơ quan du lịch của nước ngoài, của tổ chức quốc tế và khu vực tại Việt Nam.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Bộ VHTTDL;

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA

.....

(Ký tên và đóng dấu)